

Published conference paper:

Hung, Hsiao-chun

Sa Huynh- Kalanay and Pre-Sa Huynh Interaction across the South China Sea. Bulletin of Science Vol 1: 45-58. Vietnam National Museum of History (Paper presented in the International Conference on 100 years of Sa Huynh Culture, Quang Ngai, Vietnam, July 2009. Selected and translated into Vietnamese by Vietnam National Museum of History, Hanoi) (in Vietnamese).

16 chapters ISBN 8-935077-128376 pp 45-122

Short abstract in English:

The Sahuynh-Kalanay Interaction Sphere (ca. 500 BC - AD 100), across and around the shorelines of the East Sea, is an important key to the nature of late prehistoric cultural relations in Southeast Asia. This paper discusses several archaeological aspects of the Sahuynh and pre-Sahuynh cultural phases, particularly questions of Sahuynh definition and origins. An East Sea exchange network involving Fengtian (eastern Taiwan) nephrite is clearly relevant for these questions, given that, in Vietnam, this nephrite of Taiwan origin has so far only been found in Sahuynh sites. In this paper, the author discusses this jade jewellery and other cultural aspects related to the Sahuynh-Kalanay Interaction Sphere, with reference to the role of the ancient Sahuynh people in the late prehistoric East Sea maritime network. The Author also discusses pre-Sahuynh pottery relationships between Taiwan, the Philippines, Hainan and southern Vietnam.

BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUỐC GIA
THÔNG BÁO KHOA HỌC

Số 1
2012

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH
BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUỐC GIA

Số 1. Tràng Tiền - 25. Tông Đản,
Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 38241384 - 38257753
Fax: (84-4) 38252853
Website: baotanglichsu.vn
Email: thongbaokhoahocbtls@gmail.com

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NGUYỄN VĂN CƯỜNG

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG
VŨ QUỐC HIỀN

BAN BIÊN TẬP
NGUYỄN VĂN ĐOÀN
NGUYỄN MẠNH THẮNG
PHAN TUẤN DŨNG

TRÌNH BÀY
CHU MẠNH QUYỀN

BÌA
NGUYỄN HOÀNG HIỆP

SỬA BẢN IN
NGUYỄN MẠNH THẮNG

DỊCH TIẾNG ANH
ĐINH VĂN MẠNH

THÔNG BÁO KHOA HỌC 2012

NXB. VĂN HÓA - THÔNG TIN
43. Lò Đúc - Hà Nội
In 700 cuốn khổ 18.5 x 26cm
Tại Công ty In và Văn hóa phẩm
GPXB số 1215 - 2011/CXB 20 - 161/VHTT
In và nộp lưu chiểu 07/2012

MỤC LỤC

05 NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Hoạt động nghiên cứu khoa học của
Bảo tàng Lịch sử Quốc gia: Kết quả
và định hướng

12 ĐẶNG HÒA

Một mốc son lịch sử của ngành Bảo
tàng Việt Nam

17 NGUYỄN KHẮC SỬ

Các di tích khảo cổ Tiền sử vùng
biển Việt Nam: Những giá trị lịch sử
văn hóa

**35 VŨ QUỐC HIỀN, NGUYỄN MẠNH
THẮNG, CHU MẠNH QUYỀN**

Khảo sát một số di tích Tiền - Sơ sử
trên địa bàn các tỉnh Sơn La, Điện
Biên và Lai Châu

45 HSIAO-CHUN HUNG

Tương tác Tiền - Sa Huỳnh và Sa Huỳnh
- Kalanay qua vùng biển Đông

59 NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Đồ gốm men thời Lý - Trần tìm được
trong khu vực thành Thăng Long lưu
giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia và
Bảo tàng Hà Nội

74 NGUYỄN VĂN ĐOÀN

Bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh thời
Lý - Những dữ liệu để phục dựng

82 NGUYỄN VĂN ĐOÀN, NGUYỄN NGỌC CHẤT

Di tích Ủng Thành/Đoài Môn và giá trị của nó trong việc tìm hiểu về Thăng Long Hà Nội

90 NGUYỄN THỊ HUYỀN

Giấy bạc Cũ Hồ in tại Chi Nê (Hòa Bình) - Nhà máy in tiền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

94 NGUYỄN THỊ TƯỜNG KHANH

Sưu tập báo chí cách mạng Việt Nam trước năm 1945 hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia

100 HOÀNG THỊ HỘI

Địa bàn đội Du kích Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi thu được của Phát xít Nhật năm 1945

103 PHAN TUẤN DŨNG

Nghiên cứu, phát huy giá trị hiện vật về An toàn khu (ATK) Thái Nguyên (1947 - 1954) ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia

107 NGUYỄN TRỌNG LƯỢNG

Giới thiệu nhóm hiện vật Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam - Bảo tàng Lịch sử Quốc gia mới sưu tầm

110 HOÀNG HOA THÁM

Thầy Tào và tục treo tranh thờ của người Dao

115 TRẦN THU HÀ

Trao đổi về vấn đề trưng bày Danh nhân ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia

121 MỤC LỤC TIẾNG ANH VÀ TIẾNG PHÁP

TƯƠNG TÁC TIỀN - SA HUỲNH VÀ SA HUỲNH - KALANAY QUA VÙNG BIỂN ĐÔNG

*Hsiao-chun Hung**

Phạm vi tương tác Sa Huỳnh - Kalanay (500 TCN - 100 CN) qua và xung quanh các tuyến bờ biển vùng biển Đông là chìa khóa quan trọng để nhận thức các mối quan hệ văn hóa giai đoạn Tiền sử muộn ở Đông Nam Á. Bài này sẽ bàn tới một loạt vấn đề khảo cổ học về các giai đoạn văn hóa Sa Huỳnh và Tiền Sa Huỳnh, cụ thể là các vấn đề xác định và cội nguồn của văn hóa Sa Huỳnh. Mạng trao đổi qua biển Đông bao gồm nephrite Phụng Tân (Đông Đài Loan) rõ ràng là cần thiết cho những vấn đề này, dấu rằng, ở Việt Nam, nephrite có nguồn gốc Đài Loan này cho tới nay mới chỉ tìm thấy ở các di tích Sa Huỳnh. Qua bài này tôi sẽ bàn về đồ trang sức bằng ngọc và những khía cạnh văn hóa khác có liên quan tới phạm vi tương tác Sa Huỳnh - Kalanay, cùng với việc xem xét vai trò của cư dân cổ Sa Huỳnh trong mạng trao đổi ở biển Đông giai đoạn Tiền sử muộn. Tôi cũng sẽ thảo luận về những mối quan hệ của đồ gốm Tiền Sa Huỳnh giữa Đài Loan, Philippines, Hải Nam và miền Nam Việt Nam⁽¹⁾.

Giới thiệu

Văn hóa Sa Huỳnh là một trong những văn hóa Tiền sử được xác định rõ ràng nhất ở Đông Nam Á, được gọi theo tên di tích Sa Huỳnh ở tỉnh Quảng Ngãi, miền Trung Việt Nam, M. Vinet báo cáo lần đầu vào năm 1909. Bản báo cáo của Vinet về di tích đã đề cập tới một nhóm các chum mộ lớn, chứa đựng các hạt chuỗi và đồ gốm được chôn trong các cồn cát gần bờ biển (Solheim 1959a: 99). Hiện nay, văn hóa Sa Huỳnh vẫn thu hút được sự quan tâm, chú ý của các nhà khảo cổ học quốc tế và được coi là một văn hóa giai đoạn Sắt có niên đại từ 500 TCN tới 100 CN (Southworth 2004). Hầu hết các di tích Sa Huỳnh được tìm thấy ở vùng duyên hải Việt Nam, giữa khoảng Huế và Tp. Hồ Chí Minh (H.1).

* TS. Đại học Quốc gia Australia

Qua vùng biển Đông, phức hệ gồm Sa Huỳnh - Kalanay lần đầu được W. Solheim (1957) chú ý ở Philippines, ông ghi nhận rằng nó đã cho thấy nhiều những đặc trưng giống với đồ gốm Sa Huỳnh về phong cách và hoa văn. Sau đó, dựa chủ yếu vào sự phân bố rộng rãi của những loại hình mà ông gọi là truyền thống phức hệ gồm Sa Huỳnh - Kalanay, cùng với khuyến tai và khuyến tai hai đầu thú có liên quan, Solheim đề xuất khái niệm về một mạng lưới trao đổi trên biển ở Đông Nam Á (Solheim 2006:3).



Hình 1. Vị trí các di tích chính được đề cập trong bài

Hơn 50 năm qua, nhiều học giả khác cũng đã bị thu hút bởi những tương đồng về văn hóa giữa những sưu tập Sa Huỳnh ở Việt Nam và các sưu tập giai đoạn Sắt cùng thời ở Philippines, Borneo, Thái Lan và miền Nam Đài Loan (chẳng hạn như Fox 1970, Loofs-Wissowa 1982; Bellwood 1997; Glover 1996). Phạm vi tương tác Sa Huỳnh - Kalanay do đó đã trở thành một chìa khóa then chốt đối với việc nhận thức các mối quan hệ văn hóa Tiền sử muộn ở Đông Nam Á. Giải thích về những mối liên hệ rộng rãi, cả sự di cư lẫn thương mại đã được cho là những động lực dẫn lối (Solheim 1959b).

Vào năm 1964, Solheim đã đề xuất truyền thống gồm Sa Huỳnh - Kalanay có mối liên hệ với những đợt di cư của những người nói tiếng Malayo-Polynesian (Nam Đảo) ở Đông Nam Á (Solheim 1964). Đây là một quan điểm mang tính viễn quan sâu sắc, dù những trình bày gần đây hơn của ông về *Mạng lưới trao đổi và thương mại biển Nusantara* ít tương ứng hơn với những cứ liệu khảo cổ học và ngôn ngữ học (chẳng hạn

xem Blust 1988, 1995; Bellwood 1997, 2005; Hung 2008). Trên thực tế, dựa vào sự lan tỏa của nhóm ngôn ngữ này từ Philippines vào Indonesia và miền Tây châu Đại Dương và ít nhất 1.500 TCN thì truyền thống gồm Sa Huỳnh quá gần đây để được liên hệ với những giai đoạn lan tỏa sớm nhất của nhóm Malayo-Polynesian. Nhưng liên hệ với sự di cư của nhóm Malayo-Chamic muộn hơn nhiều từ hải đảo tới Đông Nam Á Lục địa có lẽ là phù hợp.

Quê hương sớm nhất có thể xác định của toàn bộ ngữ hệ Nam Đảo giờ đây được đặt ở Đài Loan, cùng với đó là nguồn gốc của nhóm lớn Malayo-Polynesian có lẽ được xác định ở đâu đó ở miền Bắc Philippines (chẳng hạn xem Blust 1988; Ross 2005). Những cứ liệu khảo cổ hiện nay cho thấy rằng sự di cư ban đầu từ Đài Loan tới quần đảo Batanes và Luzon ở miền Bắc Philippines đã diễn ra khoảng 4.000 năm trước (chẳng hạn Bellwood và Dizon 2005, Bellwood và Nnk 2011), và do đó sự di cư tới Marianas (Đông Philippines) đã diễn ra khoảng 3.500 năm trước (Hung và Nnk 2011). Điều này đã cho thấy có một sự cư trú đầu tiên của người Malayo-Polynesian trong phạm vi châu Đại Dương.

Các nhà khảo cổ học Việt Nam đã cho rằng, ở Việt Nam, "...duy nhất văn hóa Sa Huỳnh có thể mang đặc trưng cho một nhóm nói tiếng Nam Đảo, có tên Nguyên ngữ Chamic" [Proto-Chamic: cũng có thể được dịch là tiếng Nguyên - Chamic] (Hà Văn Tấn 1984 - 1985). Từ sự phân bố theo địa lý của văn hóa Sa Huỳnh, tập trung ở Trung Bộ Việt Nam, và những nhận định về tính tiếp nối về niên đại cho tới văn minh Champa sau đó, nhiều người cho rằng cư dân cổ Sa Huỳnh là tổ tiên của những người nói tiếng Chamic [Chăm] trong giai đoạn Lịch sử và Hiện đại ở miền Trung và miền Nam Việt Nam. Một số nhà khảo cổ cho rằng những người nói tiếng Chamic đầu tiên đã tới từ Đông Nam Á Hải đảo trong suốt thời đại Sắt (chẳng hạn như Bellwood 1997: 271 - 272), có lẽ là hệ quả của một sự chuyển cư, dựa vào đó hầu hết các nhà ngôn ngữ học giữ quan điểm cho rằng, sự lan tỏa của các ngôn ngữ trong phạm vi các phân nhánh chính của ngôn ngữ Malayo-Polynesian trong những bối cảnh xã hội tiền hiện đại có lẽ cần phải có một sự di chuyển của những người nói ngôn ngữ bản địa ở một mức độ cao (Ross 2008). Về mặt ngôn ngữ học, quê hương thích hợp nhất đối với phân nhánh Malayo-Chamic theo như phục dựng của Blust có lẽ là ở miền Tây Borneo, có thể là trong suốt giai đoạn Sắt (Blust 2005). Tuy nhiên, văn hóa vật chất Sa Huỳnh cũng có những mối quan hệ gần gũi với những khu vực như Philippines, cũng như Sarawak.

Để có được một nhận thức về cội nguồn và tầm quan trọng của văn hóa Sa Huỳnh thì một nghiên cứu về sự trao đổi văn hóa đồng đại giữa Sa Huỳnh và những khu vực khác là rất cần thiết. Nghiên cứu gần đây của chúng tôi (Hung và Nnk 2007) về đồ trang sức và các di vật bằng ngọc khác cho thấy rằng văn hóa Sa Huỳnh nằm giữa một mạng lưới trao đổi có nền tảng là biển dài 3.000km qua vùng biển Đông, có liên hệ với Đài Loan, Philippines, miền Đông Malaysia, Nam Trung Quốc, Nam Campuchia, Thái Lan, và Việt Nam. Giờ tôi sẽ xem xét mạng lưới thương mại theo hướng Đông - Tây này, đặt trong mối liên hệ với cộng đồng Nam Đảo cùng với phạm vi tương tác Sa Huỳnh - Kalanay, và so sánh nó với (có thể là) phạm vi tương tác Hán - Đông Sơn không mang yếu tố Nam Đảo, giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn Đông Chu cho tới Đông Hán.

Mạng lưới thương mại Đông - Tây qua biển Đông

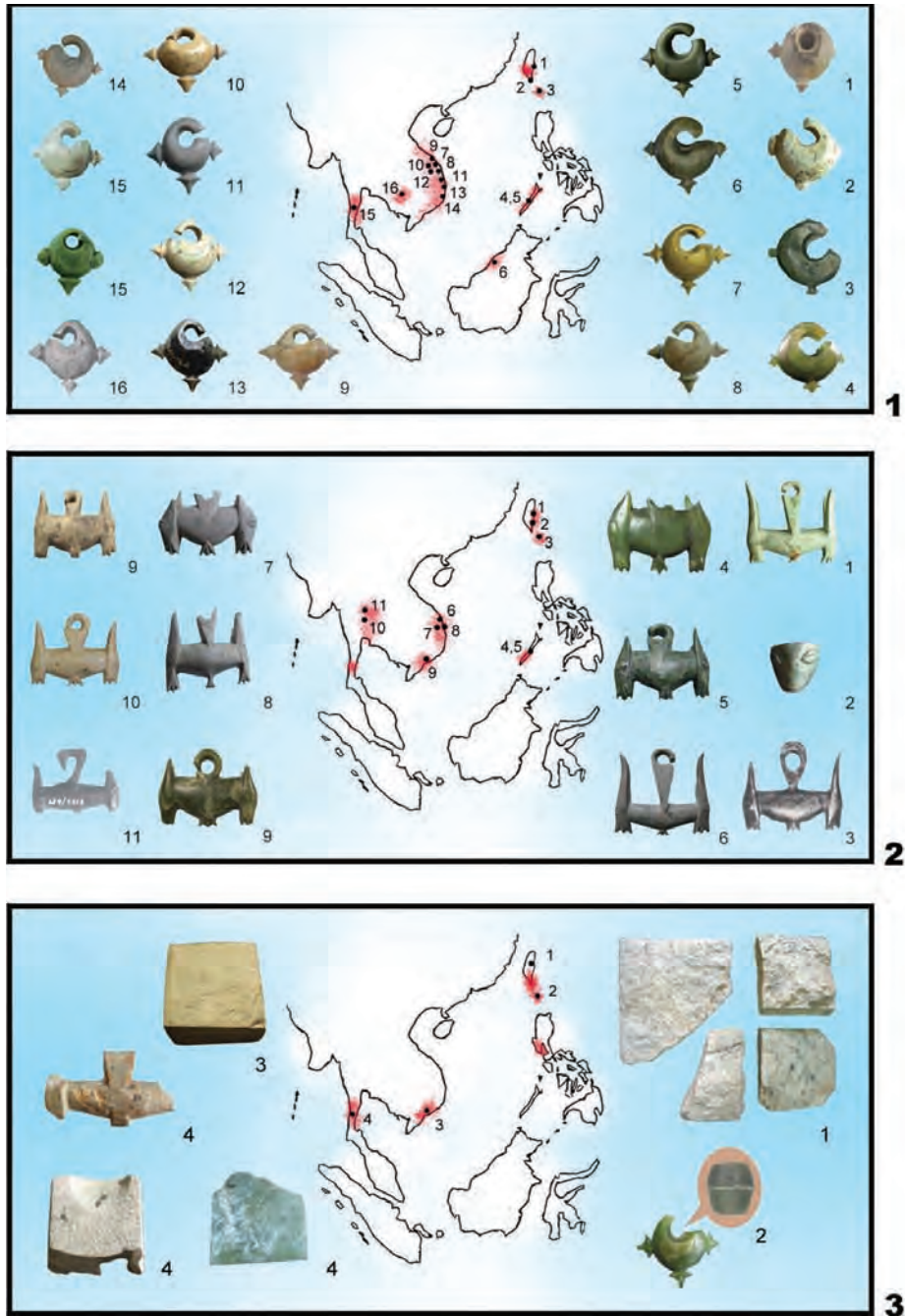
Như đã đề cập, dựa trên sự phân bố của gốm Sa Huỳnh - Kalanay và của hai loại hình khuyên tai ngọc, vào những năm 1950, Solheim đã đề xuất về sự tồn tại của một mạng lưới thương mại biển qua biển Đông, (xem Solheim 1964, 2006: 3). Glover (1996) sau này đã trình bày về mạng lưới thương mại có liên quan trong vài thế kỷ TCN giữa miền Bắc và miền Đông Ấn Độ và Thái Lan, và Bellina & Glover (2004) nhấn mạnh vào tầm quan trọng của thương mại đồ thủy tinh và hạt chuỗi đá quý từ Ấn Độ tới Việt Nam và Philippines. Kết quả là, phương pháp chế tác các hạt chuỗi silic này đã được mang từ Ấn Độ vào Đông Nam Á Lục địa. Nghiên cứu hiện nay về nguồn nephrite (ngọc) đã làm tăng thêm nhận thức của chúng ta về khu vực phía đông của mạng lưới thương mại này, nhất là là nó bao gồm cả Đài Loan và Philippines.

Giữa khoảng 500 TCN và 100 CN, 2 loại hình khuyên tai nephrite rất đặc biệt đã xuất hiện khắp một khu vực rộng lớn, trải dài từ Đài Loan qua Philippines, Đông Malaysia, miền Trung và Nam Việt Nam, và cho tới tây nam như miền Đông Campuchia và bán đảo Thái Lan. Hai loại hình này là những khuyên tai được gọi là *lingling-o* có ba mẫu nhọn [khuyên tai ba mẫu] và khuyên tai hai đầu thú. Đáng ngạc nhiên là dù hiện diện trong một khoảng cách rất rộng nhưng tất cả các mẫu được khai quật của những vòng và khuyên tai này hầu như giống nhau về hình dáng và kích thước, điều này gợi mở về những truyền thống chế tác khá chuẩn hóa và được chia sẻ giữa các khu vực.

Những nghiên cứu của chúng tôi (chẳng hạn Hung và Nnk 2007, Izuka và Hung 2005, Izuka và Nnk 2005a, 2005b, 2007) đã chỉ ra rằng nephrite được sử dụng để chế tác các mẫu của hai loại hình đồ trang sức này, đặc biệt là những mẫu được làm bằng ngọc lam, có nguồn gốc từ nephrite Phương Tân ở miền Đông Đài Loan (H.2). Một thực tế đáng quan tâm đó là, nguyên liệu thô có nguồn gốc từ Đài Loan, nhưng bản thân những đồ trang sức được chế tác không phải ở Đài Loan mà là ở các địa điểm như Philippines, miền Nam Việt Nam và miền Nam Thái Lan. Những khối đá nephrite Đài Loan chưa từng được tìm thấy ở Đài Loan, Thái Lan và Việt Nam (chẳng hạn như Bellwood và Dizon 2005, Hung và Bellwood 2010, Hung và Izuka *đang ấn bản*), và chúng tôi phỏng đoán rằng những hiện vật này là những phôi nguyên liệu vuông được mang đi bằng đường biển từ Đài Loan tới các công xưởng địa phương ở những khu vực khác thuộc Đông Nam Á. Một số phôi này ắt hẳn cũng đã từng là những chiếc rìu nephrite xưa kia đã được tái chế ở Đài Loan. Cho tới nay, chúng tôi chưa có những bằng chứng cho việc chế tác thực sự của những khuyên tai như vậy tại chính Đài Loan.

Những hạt chuỗi nhỏ bằng ngọc mang phong cách Beinan điển hình ở Đài Loan và những khuyên tai ngọc nephrite Đài Loan đã được khai quật tại một số di tích Sa Huỳnh ở miền Trung Việt Nam (Hung *đang ấn bản*). Theo như sự phân bố của những đồ trang sức bằng nephrite Đài Loan bên ngoài Đài Loan thì văn hóa Sa Huỳnh, không nghi ngờ gì, đã giữ một vai trò then chốt trong mạng lưới thương mại đường dài, đã mang cả những phôi nguyên liệu thô và những di vật đã hoàn thiện. Cư dân Sa Huỳnh không chỉ là những người buôn bán lão luyện, mà có lẽ còn là những người tiêu dùng giàu có bậc nhất trong mạng lưới buôn bán, trao đổi này. Thêm vào đó, nhiều hàng hóa quý giá khác như những hạt chuỗi đá silic (Bellina và Glover 2004: 73; Bellina 2003: 291-293) và

những hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific (Francis 1986: 54 - 57, 74 - 78; 2002), cả hai được làm theo kỹ thuật của Ấn Độ, được chuyển từ Đông Nam Á Lục địa, cụ thể là qua miền Nam Thái Lan và miền Nam Việt Nam, tới Philippines và Đài Loan.



Hình 2. Sự phân bố các khuyên tai và các phôi nephrite ở Đông Nam Á

Không giống như những quốc gia ở Đông Nam Á Lục địa, những khu vực hải đảo Đài Loan, Philippines và Indonesia, từ trước cho tới sự xuất hiện của đồ sắt, không có thời đại đồ Đồng rõ ràng. Giữa khoảng 500 TCN và 100 CN, khi văn hóa về cơ bản vẫn là Đá mới, những khu vực này đã tiếp nhận một dòng chảy đột ngột những loại hình di vật và nguyên liệu mới vào, gồm có những hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific, những hạt chuỗi đá silic, sắt và kim loại chứa đồng (đồng đỏ và đồng thau), và những khuôn đúc bằng đá hoặc bằng đất nung được dùng cho việc đúc các hiện vật đồng thau, như rìu và mũi giáo có họng tra cán. Chúng tôi thấy rằng Sa Huỳnh đã là một xúc tác chính cho sự chuyển tiếp văn hóa chuyển biến sang kim khí này ở khu vực phía tây thế giới Nam Đảo.

Mạng lưới thương mại này đã được hình thành như thế nào? Những cộng đồng tham gia có chia sẻ những sự kiện lịch sử, những ngôn ngữ hay những truyền thống văn hóa không? Như đã đề cập, những di tích Sa Huỳnh ở Việt Nam và những di tích Kalanay ở Philippines và Borneo có những sưu tập văn hóa giống nhau, đặc biệt là trong phong cách gốm và việc thực hiện táng tục bằng chum. Solheim từ lâu đã chú ý rằng đồ gốm được tìm thấy ở hang Ko Din trên đảo Samui trong vịnh Thái Lan, về loại hình và hoa văn, giống với một số đồ gốm có văn khắc vạch và in thuộc giai đoạn đồ Sắt được ông khai quật ở Kalanay, miền Trung Philippines (Solheim 1964, 2006). Gần đây, tôi cảm thấy phấn chấn khi biết rằng Bérénice Bellina và những đồng nghiệp của cô đã tìm thấy thêm những hiện vật gốm dạng này ở Samui (Bellina - trao đổi cá nhân). Dầu vậy, việc phát hiện những đồ gốm tương tự tại di tích Sa Huỳnh ở Hòa Diêm thuộc miền Trung Việt Nam đã khiến Yamagata và Bùi Chí Hoàng (2008) mở rộng dải gốm này, dù niên đại thuộc một giai đoạn tương đối muộn nằm trong tổng thể văn hóa Sa Huỳnh. Từ những bằng chứng về đồ gốm và đồ ngọc, văn hóa Sa Huỳnh hiển nhiên được đặt làm trung tâm mạng lưới thương mại và trao đổi đường dài giai đoạn Sắt này.

Tương tác Hán - Đông Sơn với Sa Huỳnh - Kalanay

Mạng lưới thương mại theo hướng Đông - Tây được thảo luận ở trên tương ứng rất khớp với những phân bố của nhiều cư dân nói tiếng Nam Đảo quan trọng nhưng xa xôi trong giai đoạn Sơ sử (như những người Fomosan, Filipinos, Chăm ở Nam Việt Nam, và những người Dayak ở Borneo). Ở Nam Thái Lan, những ngôn ngữ Nam Đảo vẫn được nói bởi khoảng 0.3% cư dân Thái Lan, gồm có ba nhóm ngôn ngữ chính là Malay, Moklen và Urak Lawoi (Brown 2006: 643). Những nghiên cứu về nguồn đá ngọc của chúng tôi chỉ ra rằng, dù miền Bắc Việt Nam gần với Đài Loan hơn miền Nam Việt Nam nhưng những di vật được xác định rõ ràng là được làm bằng nephrite Đài Loan chưa từng được phát hiện ở khu vực này. Những di vật nephrite Đài Loan mới chỉ được khai quật được từ các di tích Sa Huỳnh thuộc duyên hải miền Trung và miền Nam Việt Nam, chủ yếu là cùng với những mộ chum, và thuộc những loại hình gần gũi với những sưu tập mộ chum Sơ kỳ Kim khí ở Philippines, miền Bắc Borneo và Đài Loan.

Ở lưu vực sông Hồng thuộc Bắc Việt Nam, đã có một sự phát triển tiếp nối từ Phùng Nguyên (2.000 - 1.000 TCN) qua Đông Đậu và Gò Mun tới văn hóa Đông Sơn vào khoảng cuối thiên kỷ I TCN. Nhiều nhà nghiên cứu từng cho rằng văn hóa Đông

Sơn đã nằm trong mối liên hệ hai chiều với sự hình thành những nhà nước Chiến Quốc và Tây Hán ở Nam Trung Quốc (Lei 2006; Chen 2009). Vào năm 111 TCN, nhà Hán hợp nhất Nam Việt (các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam cùng với miền Bắc Việt Nam hiện nay) vào đế chế của họ và do đó đã làm tăng mức tương đồng về xã hội, chính trị và kinh tế trong khu vực đã chinh phục này. Rõ ràng Đông Sơn ở miền Bắc và Sa Huỳnh ở miền Trung đã có những đặc trưng văn hóa hết sức đậm nét và riêng biệt, và có những mối quan hệ với bên ngoài khá khác nhau, một bên với Trung Quốc, và một bên là với Ấn Độ và Đông Nam Á Hải đảo. Chẳng hạn, trong khi mộ chum phổ biến trong phạm vi Sa Huỳnh - Kalanay, những quan tài bằng gỗ có nắp cùng với các mộ táng chôn dưới thẳng lại đặc trưng cho Đông Sơn và nhiều khu vực ở Nam Trung Quốc như Tứ Xuyên (Lei 2006).

Mối liên hệ Đông Sơn - Nam Trung Hoa có thể được truy cứu trở lại tới giai đoạn Đá mới - Đồng ở miền Bắc Việt Nam. Nhiều di vật bằng đá ngọc được khai quật ở miền Bắc Việt Nam giống với những di vật ngọc ở Nam Trung Quốc cùng thời về kỹ thuật và phong cách. Chẳng hạn, những vòng đá tiết diện chữ T (gồm cả nephrite) và những chiếc nha chương ở miền Bắc Việt Nam cho thấy những ảnh hưởng từ Trung Quốc và có thể là được nhập vào (Tang 1994, Masato 1994, Hà Văn Tấn 1994). Kỹ thuật xẻ phiến mỏng, có tên là kỹ thuật *Tân Thiên Thức* (新天式) được định danh đầu tiên bởi Tang Chung (2004), dựa vào nghiên cứu của ông về những khuyên tai ở Trung Quốc, trong đó ông đã lưu ý rằng kỹ thuật này là một bước tiến lớn trong lịch sử sản xuất đồ ngọc. Độ dày của những khuyên tai như thế chỉ từ 0,5 tới 0,2cm. Tang lưu ý rằng kỹ thuật này đã xuất hiện ở khu vực giữa lưu vực Hoàng Hà, trung lưu Trường Giang, khu vực Lĩnh Nam (nam dãy núi Nam Lĩnh) và châu thổ sông Hồng ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn từ Hậu kỳ nhà Thương đến nhà Chu. Ở Việt Nam, nhiều khuyên tai thuộc loại hình Xin-gan như vậy đã từng được tìm thấy ở các mộ táng Đông Sơn. Trên thực tế, chúng đã được chế tác suốt một giai đoạn dài và có thể được tìm thấy ở các di tích mộ táng thậm chí có niên đại ít nhất vào giai đoạn văn hóa Phùng Nguyên (Tan 2008: 52). Đáng chú ý là chỉ một số ít loại hình khuyên tai *Tân Thiên Thức* từng được tìm thấy ở các di tích Sa Huỳnh, và tất cả có thể đều mang nguồn gốc từ miền Bắc.

Văn hóa Đông Sơn ở miền Bắc Việt Nam, về mặt địa lý, nằm trong khu vực có mối liên hệ với những nhóm nói tiếng Thái và Mon-Khmer (Hệ Nam Á, gồm cả tiếng Việt) (Bellwood 1992). Về mặt địa chất, lịch sử và ngôn ngữ, khu vực này có mối quan hệ gần gũi với Tây Nam Trung Quốc, miền Trung và miền Đông Bắc Thái Lan, hơn là với những khu vực Sa Huỳnh - Kalanay. Dựa vào sự phân bố của trống đồng Heger I, các vòng tay tiết diện chữ T và *nha chương*, dường như những tiếp xúc trực tiếp giữa văn hóa Sa Huỳnh và Đông Sơn là khá hạn chế. Chẳng hạn, chỉ có 7 trống Heger I đã được tìm thấy ở Nam Việt Nam trong tổng số 130 chiếc được ghi nhận ở toàn Việt Nam vào năm 1990. Những hiện vật này do đó ắt hẳn đã từng được chuyển vào Indonesia bởi những tuyến đường khác hơn là qua miền Nam Việt Nam, có lẽ là qua Thái Lan và bán đảo Malaysia hoặc trực tiếp qua biển (Bellwood 1997: 272).

Dựa vào sự hòa nhập về mặt ngôn ngữ và tộc người của nhóm được giả định là Malayo-Polynesian, những cư dân Sa Huỳnh, không nghi ngờ gì, đã nằm ở vị trí trung tâm để có thể du nhập những kỹ thuật chế tác kim khí, cụ thể là đồ sắt và có thể cả đồ

đồng, vào quần đảo Indo-Malaysia (Bellwood 1997: 272; Blust 2005). Chúng tôi cũng bổ sung thêm những hạt chuỗi silic, hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific và những khuôn/kỹ thuật đúc đồng. Như nhiều học giả đã lưu ý (như Momoki 1997: 71, Sakurai 1999: 28, Lam 2009), nền chính trị Ấn hóa Champa (nghĩa là miền Trung Việt Nam) đã tạo ra những mối quan hệ song hành cho Sa Huỳnh, trong đó, đối với Philippines và miền Trung Việt Nam nó giữ vai trò là một cửa ngõ ra vào thế giới Ấn hóa, và cũng là một cửa ngõ ra vào thế giới Trung Hoa cho những người Malay và Indonesia. Những sử liệu Hán văn *Yantienlun* (盐田论) và *Hanshu-Dilizhi* (汉书地理志) đều ghi lại rằng người Trung Hoa đã xuất khẩu vàng và lụa tới những vùng đất xung quanh biển Đông suốt giai đoạn nhà Hán, dưới dạng trao đổi lấy các nguyên liệu làm thủy tinh, pha lê, mã não, sừng tê giác và các loại gia vị. Các tài liệu cũng ghi lại rằng người Champa là những thương nhân và thủy thủ chuyên nghiệp (Maspéro 1928). Chúng ta có thể hình dung rằng Sa Huỳnh có lẽ đã chứa đựng một nền thương mại trên nhiều cấp độ - khu vực, liên khu vực, và đường dài, tất cả đều diễn ra và có những ảnh hưởng lớn lao lên những quốc gia láng giềng.

Nguồn gốc Sa Huỳnh

Ở Việt Nam, nhiều nhà khảo cổ học thừa nhận một trình tự phát triển ở miền Trung Việt Nam từ sùu tập Long Thạnh, qua Bình Châu, đến Sa Huỳnh (Hà Văn Tấn 1984 - 1985). Niên đại C^{14} cho Long Thạnh, với những vật chất cư trú và mộ chum Tiền Sa Huỳnh của nó, rơi vào khoảng 3.370 ± 40 năm BP (Bln-972) và 2.875 ± 60 năm BP (Bln-2094) (Hà Văn Tấn 1984 - 1985) hoặc 1.420 ± 40 TCN (Bln-1972) và 925 ± 60 TCN (Bln-2096) (xem Chu và Dao 1978; Chu 1997). Vậy, những niên đại sớm nhất cho Long Thạnh có thể được đẩy tới 3.500 năm trước.

Bình Châu là một di tích mà về cơ bản được cho là diễn ra kế tiếp Long Thạnh và trước giai đoạn Sa Huỳnh điển hình (Hà Văn Tấn 1984 - 1985; Yamagata 2008). Theo Nguyễn Kim Dung (trao đổi cá nhân), một số nhà khảo cổ Việt Nam cho rằng giai đoạn Bình Châu có niên đại từ 3.000 đến 2.800 năm cách ngày nay.

Hà Văn Tấn đã nhận xét rằng: *Những bình gốm được đặt trong những chum mộ ở Long Thạnh được trang trí đẹp và hoàn chỉnh, và những loại hình điển hình nhất là những loại bình có dạng bình hoa, thân thấp, cổ cao và có chân đế, được trang trí các đường xoáy cuộn và các dạng sóng nước, được điền in chấm giữa các đường khắc vạch dạng cuộn* (Hà Văn Tấn 1984 - 1985: 143).

Mặt khác, ông tiếp tục bổ sung thêm rằng: *Di tích Bình Châu có các mộ táng nhưng không phải mộ chum, và các di vật bằng đồng thau như rìu và mũi tên được tìm thấy cùng với các khuôn đúc và nồi nấu kim loại. Những đồ đựng gốm phổ biến nhất là những chiếc nồi miệng loe, đáy tròn và có gờ, và những chiếc bát bồng. Hoa văn khắc vạch và in chấm khá phổ biến, và một số đồ gốm Bình Châu cũng được tô màu đỏ và đen, cùng với màu vàng và màu trắng đôi khi có trên những chân đế và phần miệng. Màu trắng thường có trong những nhóm đường thẳng song song nổi bật trên một nền màu đỏ. Ở bên trong phần đáy của một số chiếc bát có những kiểu được tô màu đen. Việc tô màu cũng được kết hợp với văn thừng, in, và khắc vạch, giống như giai đoạn văn hóa Sa Huỳnh sau đó* (Hà Văn Tấn 1984 - 1985: 144).

Như đã trình bày, nhiều nhà khảo cổ Việt Nam đã thừa nhận một diễn biến phát triển ở miền Trung Việt Nam từ Long Thạnh qua Bình Châu cho tới Sa Huỳnh, nhưng

một số đã từng lưu ý về sự khác biệt về sưu tập gốm giữa Long Thạnh và Bình Châu (Phạm Lý Hương 1994). Mọi người cũng ghi nhận rằng: *Với dữ liệu hiện nay, đặc biệt là những dữ liệu từ đợt khai quật 2003 ở khu vực di tích Bàu Trám, các tác giả cho rằng Long Thạnh - Bình Châu có thể không phải là những giai đoạn kế tiếp, mà chúng có thể là hai tuyến văn hóa, phát triển độc lập với nhau* (Bùi và Yamagata 2005).

Bình Châu ở Quảng Ngãi và Bàu Trám ở Quảng Nam có những sưu tập gốm tương tự nhau, nhưng không có những tổ tiên trực tiếp ở Việt Nam trong giai đoạn trước Bình Châu (Nguyễn Kim Dung - trao đổi cá nhân).

Theo tôi, đồ gốm Long Thạnh khá khác biệt so với đồ gốm Bình Châu và Bàu Trám về phương diện loại hình và hoa văn. Kiểu hoa văn ở gốm Long Thạnh thể hiện những dấu ấn rõ ràng của Đá mới bản địa Việt Nam, như là “các đường xoáy cuộn và các dạng sóng nước, được diễn in chấm giữa các đường khắc vạch xoáy cuộn”. Phong cách trang trí này cũng có thể thấy phổ biến trong giai đoạn khoảng 2.000 - 1.000 TCN ở Nam Trung Quốc (Guangxi Institute of Cultural Relics and Archaeology and Nanning Museum 2007, Wang 2008, Yunnan Provincial Institute of Cultural Relics and Archaeology 2010) và ở Đông Nam Á Lục địa (Vincent 2004), nhưng lại hoàn toàn vắng mặt ở giai đoạn Đá mới ở Đài Loan hay Đông Nam Á Hải đảo. Sau một dịp tham quan sưu tập gốm ở Long Thạnh và Bình Châu vào tháng 7 năm 2009, GS. Peter Bellwood và tôi đều có một ấn tượng là Long Thạnh gần với Phùng Nguyên hơn, chứ không phải Sa Huỳnh.

Những đồ đựng phổ biến nhất ở di tích Bình Châu có miệng loe, đáy tròn và có các gờ nổi, và cũng có cả những chiếc bát bồng (H.3). Hoa văn khắc vạch và in chấm khá phổ biến (Hà Văn Tấn 1984 - 1985). Một sưu tập đồ gốm tương tự cũng đã có mặt trong di tích Bàu Trám (Núi Thành, Quảng Nam). Về góc độ hình dáng đồ đựng, đặc biệt là những kiểu miệng loe và lõm lòng máng bên trong, và những kiểu miệng có đường gờ nổi ở bên trong như hai dấu ấn văn hóa quan trọng, cùng với những công cụ đá và



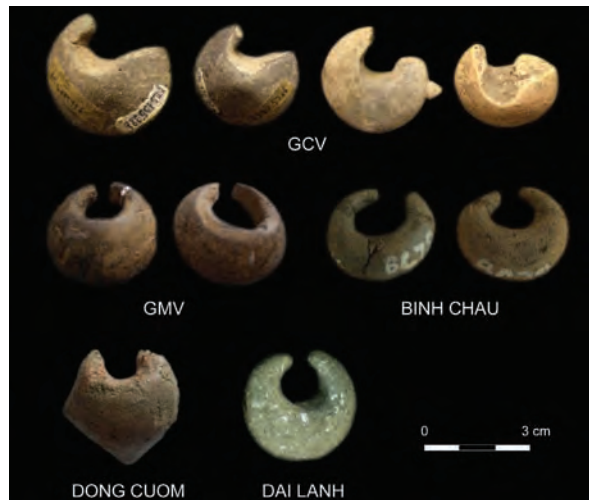
Hình 3. Sưu tập Bình Châu ở Bảo tàng Quảng Ngãi
(Bảo tàng Quảng Ngãi)

khuyên tai đất nung, sưu tập Bình Châu và Bàu Trám cũng giống với sưu tập ở miền Bắc Philippines giai đoạn Đá mới, từ các di chỉ như Nagsabara ở châu thổ Cagayan, miền Bắc Luzon (Đá mới Sơ kỳ ở miền Bắc Philippines), cũng như những sưu tập ở miền Đông của khu vực Nam Đài Loan, như Chaolaiqiao và Fengbitou (Đá mới Trung kỳ ở Đài Loan), tất cả đều có niên đại 4.000 - 3.500 năm cách ngày nay (Hung 2008) (H.4).



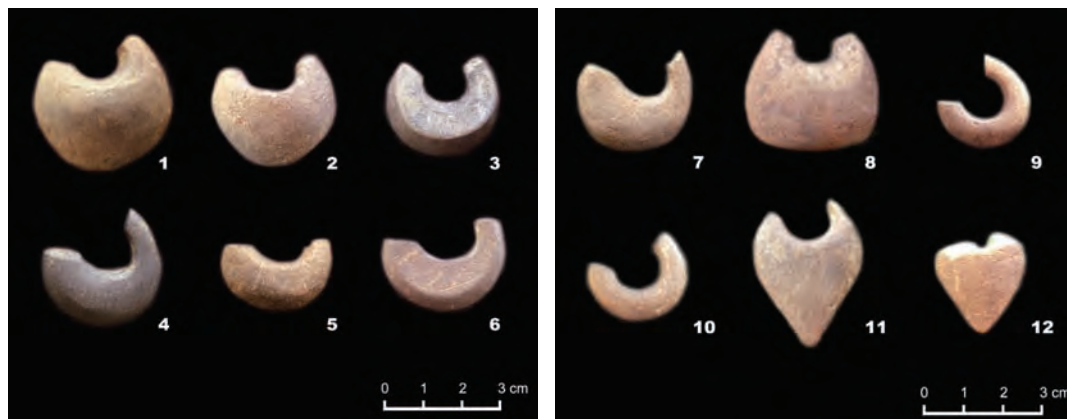
Hình 4. Chum có gờ được miết đỏ với mép miệng loe (1) và bát bồng (2) phát hiện ở lớp bùn ở di chỉ Nagsabaran, miền Bắc Philippines.

Gần đây tôi đã từng quan sát một sưu tập tương tự đã hiện diện trong những di tích Shigong và Yinian, giáp với góc Đông Nam đảo Hải Nam được lưu giữ trong Bảo tàng tỉnh Hải Nam. Niên đại sớm nhất của Shigong được đề xuất là 4.000 BP (đã hiệu chỉnh). Không chỉ có những sự tương đồng về hình dáng đồ dựng ở những khu vực trên, mà Bình Châu - Bàu Trám và những sưu tập gốm ở miền Bắc Luzon - Nam Đài Loan - Đông Nam Hải Nam đều có những bề mặt được miết đỏ và một số có tô màu, như ở Bàu Trám và Nam Đài Loan. Liệu rằng đây chỉ là một sự trùng hợp?



Hình 5. Khuyên tai đất nung ở Bình Châu và các di chỉ Sa Huỳnh khác

Những khuyên tai bằng đất nung khai quật được ở Bình Châu khiến tôi chú ý hơn cả bởi vì chúng giống với những hiện vật ở miền Bắc Luzon và quần đảo Batanes ở miền Bắc Philippines, từ giai đoạn Đá mới cho tới giai đoạn Sắt (H.5, 6). Tại di chỉ Savidug, nằm trên nhóm đảo Batanes giữa Đài Loan và Philippines, những đồ gốm tô màu đỏ và những khuyên tai tương tự đã được định niên đại chủ yếu rơi vào thiên kỷ I TCN. Những loại khuyên tai như thế có mặt ở di chỉ Anaro ở Batanes thậm chí còn kéo dài tới khoảng 1.500 năm trước. Ở Việt Nam, những khuyên tai đất nung này có mặt ở Bình Châu (Ngo 1980: 71), và ở những di tích Sa Huỳnh muộn hơn như Động Cườm, Gò Mả Voi (Reinecke và Nnk 2002: 98), Giồng Cá Vồ (Đặng Văn Thắng và Nnk 1998: 663) và Đại Lãnh. Một chiếc chì lưới bằng cuội có hai vết khía chữ V tìm thấy ở Bình Châu cũng rất đáng chú ý, vì những chì lưới như thế hiếm khi tìm thấy ở Đông Nam Á Lục địa, nhưng lại rất phổ biến ở các giai đoạn Đá mới ở Đài Loan và quần đảo Batanes ở miền Bắc Philippines.



Hình 6. Khuyên tai đất nung ở lớp bùn tại di chỉ Nagsabaran, miền Bắc Philippines

Theo như những cứ liệu này, có thể Bình Châu và Bàu Trám phản ánh một mối quan hệ văn hóa trực tiếp với cộng đồng hải đảo của người Nam Đảo ở phía đông trước hoặc sau thời điểm 3.000 năm trước, đặc biệt là với quần đảo Batanes, miền Bắc Luzon, Nam Đài Loan và Đông Nam Hải Nam. Tuy nhiên, vẫn còn quá sớm để đưa ra một kết luận chắc chắn về những nguồn gốc của Tiên Sa Huỳnh/Sa Huỳnh và những mối quan hệ với bên ngoài của chúng. Dù rằng những nghiên cứu về ngôn ngữ học hiện nay thừa nhận rằng tiếng Malayo-Chamic đã tới từ Borneo, không phải từ Philippines, nhưng xét dưới góc độ khảo cổ học, có thể có một số những liên hệ sớm hơn giữa Tiên Sa Huỳnh/Sa Huỳnh với Đài Loan, Hải Nam, và Philippines. Nghiên cứu trong tương lai về những mối quan hệ giữa những khu vực này, bao gồm cả Borneo trong khoảng niên đại này, sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về nguồn gốc của văn hóa Sa Huỳnh và nguồn gốc của những cư dân nói tiếng Malayo-Polynesian cổ ở miền Nam Việt Nam.

Ghi chú:

Bài viết được TS. Hsiao-chun Hung cập nhật bổ sung từ bài dự Hội nghị 100 năm Phát hiện và Nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh do Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (Bộ VH,TT&DL) tổ chức tại Quảng Ngãi vào tháng 7 năm 2009. Đinh Văn Mạnh dịch sang tiếng Việt với sự đồng ý của tác giả.

(1) Tôi xin chân thành cảm ơn TS. Nguyễn Kim Dung và TS. Bùi Chí Hoàng, những người đã luôn giúp đỡ cho công việc của tôi và đã cùng tôi trong suốt đợt nghiên cứu của tôi ở Việt Nam. Tôi xin gửi lời cảm ơn tới nhiều bảo tàng ở Việt Nam, nơi tôi gặp những nhà nghiên cứu tuyệt vời và tham quan nhiều những phát hiện giá trị. Đặc biệt, xin cảm ơn GS. Peter Bellwood của Đại học Quốc gia Australia đã cho tôi những nhận xét vô giá về bản thảo bài này. Cảm ơn Tổ Dịch vụ Giáo dục và Đa truyền thông, thuộc Trường ANU tại Châu Á Thái Bình Dương, Đại học Quốc gia Australia, vì đã giúp tôi thực hiện phần bản đồ minh họa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (CHỌN LỌC)

1. Bellina, B. 2003 Social change and interaction between India and Southeast Asia. *Antiquity* 77:285-295.
2. Bellina, B & I. Glover 2004 The archaeology of early contact with India and the Mediterranean World, from the fourth century BC to the fourth century AD. In I. Glover and P. Bellwood (eds), *Southeast Asia-from prehistory to history*, pp. 68-88. London: Routledge Curzon press.
3. Bellwood, P. 1992 Southeast Asia before History. In N. Tarling (ed.), *The Cambridge History of Southeast Asia*, Vol. 1, pp 55-136. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Bellwood, P. 1997 *Prehistory of the Indo-Malaysian Archipelago*. Honolulu: University of Hawai'i Press.
5. Bellwood, P. 2005 *First Farmers: The Origins of Agricultural Societies*. Oxford: Blackwell.
6. Bellwood, P. & Dizon, E. 2005 The Batanes archaeological project and “Out of Taiwan” hypothesis for Austronesian dispersal. *Journal of Austronesian Studies* 1(1): 1-33.
7. Bellwood, P., G. Chambers, M. Ross & H.C. Hung. 2011. Are “cultures” inherited? Multidisciplinary perspectives on the origins and migrations of Austronesian-speaking peoples prior to 1000 BC. In B. Roberts and M.V. Linden (eds), *Investigating archaeological cultures: material culture, variability and transmission*, 321-354. Dordrecht: Springer.
9. Blust, R. 1988 The Austronesian homeland: a linguistic perspective. *Asian Perspectives* 26(1): 45-67.
10. Blust, R. 2005 Borneo and Iron: Dempwolff's *Besi Revisited*. *Bulletin of the Indo-Pacific Prehistory Association* 25:31-40.
11. Brown, K. 2006 *Encyclopedia of Language and Linguistics*, Volume 12. (2nd ed.). Elsevier: Oxford.
12. Chu, V.T. 1997 20 năm sau phát hiện mộ ở Long Thành. *Khảo Cổ Học* 1997(1):11-37 (in Vietnamese).
13. Francis, P. JR. 2002 *Asia's Maritime Bead Trade: 300B.C to the Present*. Honolulu: University of Hawai'i Press.
14. Fox, R. 1970 *The Tabon Caves*. Manila: National Museum of the Philippines.
15. Guangxi institute of Cultural Relics and Archaeology and Nanning Museum 2007 *Burials in Guangxi caves of Pre-Qin phase*. Beijing: Science Press. (In Chinese)
16. Ha, V.T. 1984-85 Prehistoric Pottery in Viet Nam and its relationships with Southeast Asia. *Asian Perspectives* 1984-85: 135-146.
17. Hung, H.C. 2005. Neolithic interaction between Taiwan and northern Luzon, *Journal of Austronesian Studies* 1:111-136.
18. Hung, H.C. 2008 *Migration and Cultural Interaction in Southern Coastal China, Taiwan and the Northern Philippines, 3000 BC to AD 100: the Early History of the Austronesian-speaking Populations*. Ph. D Thesis, Department of Archaeology, Research School of Pacific & Asian Studies, Australian National University, Canberra, Australia.
19. Hung, H.C. in press *Taiwan nephrite in overseas and their characters of Beinan culture*. *Field Archaeology of Taiwan*. (in Chinese)

20. Hung, H.C. & P. Bellwood 2010 Movement of raw materials and manufactured goods across the South China Sea after 500 BCE: from Taiwan to Thailand and back. In B. Bellina, E.A. Bacus, T.O. Pryce and J.W. Christie (eds.), *50 Years of Archaeology in Southeast Asia: Essays in Honour of Ian Glover*, pp. 235-245. Bangkok: River Books.
21. Hung, H.C., Y. Iizuka, P. Bellwood, K. D. Nguyen, B. Bellina, P. Silapanth, E. Dizon, R. Santiago, I. Datan & J. H. Manton 2007 Ancient jades map 3000 years of prehistoric exchange in Southeast Asia. *Proceedings of the National Academy of Sciences of the United States of America* 104 (50): 19745-19750.
22. Hung, H.C., M.T. Carson, P. Bellwood, F.Z. Campos, P.J. Piper, E. Dizon, M.J.L.A. Bolunia, M. Oxenham & ZHANG C. 2011 The first settlement of Remote Oceania: the Philippines to the Marianas. *Antiquity* 85: 909-926.
23. Iizuka, Y. & Hung, H.C. 2005 Archaeomineralogy of Taiwan Nephrite: Sourcing Study of Nephritic Artifacts from the Philippines. *Journal of Austronesian Studies* 1:35-81.
24. Iizuka, Y., P. Bellwood, H. C. Hung & E. Dizon 2005a A non-destructive mineralogical study of nephritic artifacts from Itbayat Island, Batanes, northern Philippines. *Journal of Austronesian Studies* 1: 80-105.
25. Iizuka, Y., P. Bellwood, I. Datan & H.C. Hung 2005b Mineralogical studies of the Niah West Mouth jade lingling-o. *Sarawak Museum Journal* 82:19-29.
26. Iizuka, Y., H.C. Hung & P. Bellwood 2007 A Noninvasive Mineralogical Study of Nephrite Artifacts from the Philippines and Surroundings: The Distribution of Taiwan Nephrite and the Implications for the Island Southeast Asian Archaeology. In J. Douglas, J. Jett & J. Winter (eds), *Scientific Research on the Sculptural Arts of Asia*. London: Archetype Publications.
27. Lam, T.M.D. 1998 The Sa Huynh culture in Hoi An. In Klokke M.J. and Bruijn T.D. (eds), *Southeast Asian Archaeology 1996-Proceedings of the 6 International Conference of the European Association of Southeast Asian Archaeologists*, pp. 13-27. Hull (U.K.): Center for South-East Asian Studies, University of Hull.
28. Maspéro, G. 1928 *Le royaume de Champa*. Paris: G. van Oest.
29. Ngo, S.H. 1980 Bin Binh Chau (Nghia Binh): A newly discovered Bronze Age site on the central Vietnamese coast. *Khao Co Hoc* 33: 68-74 (in Vietnamese).
30. Ross, M. 2005 The Batanic languages in relation to the early history of the Malayo-Polynesia subgroup of Austronesian. *Journal of Austronesian Studies* 1.2:1-24.
31. Sakurai, Y. 1999 The dry areas in the history of Southeast Asia. In F. Hayao (ed.), *The Dry Areas in Southeast Asia: Harsh or Benign Environment*, pp. 27-36. Kyoto: Center for Southeast Asian Studies, Kyoto University.
32. Solheim, W. G. II 1959b Sa-huynh related pottery in Southeast Asia. *Asian Perspectives* 3: 177-188.
33. Solheim, W. G. II 2006 *Archaeology and Culture in Southeast Asia: Unraveling the Nusantao*. Quzon City: The University of the Philippines Press.
34. Southworth, W.A. 2004 The coastal states of Champa. In I. Glover and P. Bellwood (eds), *Southeast Asia-from prehistory to history*, pp. 209-33. London: Routledge Curzon press.
35. Tan, H. 2008 *Việt Nam: From Myth to Modernity*. Singapore: Asian Civilisations Museum.
36. Tang, C. 2004 Ancient Xin-gan jade- the jue earrings in Shang Dynasty. *Nanfang Wenwu* 2: 1-11. (in Chinese)

37. Vu, Q. H., Trinh, C., Ho, T. T. 1993. The Excavation of the Bau Tram site (Quang Nam, Da Nang). In the Scientific Communique of the National Museum of Vietnamese History, pp.25-28. (In Vietnamese.)

38. Wang, R.X. 2008 Study on Prehistoric Pottery Decoration of Southwest China. Sichuan Cultural Relics 2008(1): 33-40. (In Chinese)

39. Yamagata, M. 2008 Sa Huynh culture and the human migration hypothesis. Paper presented at the Archaeology of the Transitional Period from Prehistory to Early History in Central and South-Central Vietnam , at the Ha Noi University on 12 January 2008 (Unpublished).

SAHUYNH-KALANAY AND PRE-SAHUYNH INTERACTION THROUGH THE EAST SEA

Hsiao-chun Hung

The Sahuynh-Kalanay Interaction Sphere (ca. 500 BC - AD 100), across and around the shorelines of the East Sea, is an important key to the nature of late prehistoric cultural relations in Southeast Asia. This paper discusses several archaeological aspects of the Sahuynh and pre-Sahuynh cultural phases, particularly questions of Sahuynh definition and origins. An East Sea exchange network involving Fengtian (eastern Taiwan) nephrite is clearly relevant for these questions, given that, in Vietnam, this nephrite of Taiwan origin has so far only been found in Sahuynh sites. In this paper, the author discusses this jade jewellery and other cultural aspects related to the Sahuynh-Kalanay Interaction Sphere, with reference to the role of the ancient Sahuynh people in the late prehistoric East Sea maritime network. The Author also discusses pre-Sahuynh pottery relationships between Taiwan, the Philippines, Hainan and southern Vietnam.

CONTENTS

TABLE DES MATIÈRES

<i>Scientific Activities of the Vietnam National Museum of History: Achievements and Orientations</i>	5 NGUYỄN VĂN CƯỜNG	<i>Activités d'étude scientifique du Vietnam National Musée d'Histoire: Résultats et Orientation</i>
<i>A Brilliant Mark in the History of Museum of Vietnam</i>	12 ĐẶNG HÒA	<i>Une marque historique de la branche de Musées du Vietnam</i>
<i>Prehistoric Archaeological Sites the Maritime Regions of Vietnam: The Historic and Cultural Values</i>	17 NGUYỄN KHẮC SỬ	<i>Vestiges archéologiques de la Préhistoire au zone de mer du Vietnam: les valeurs de culture de l'histoire</i>
<i>The Survey of some Pre-protolithic Sites in the Provinces of Sơn La, Điện Biên and Lai Châu</i>	35 VŨ QUỐC HIỀN NGUYỄN MẠNH THẮNG CHU MẠNH QUYỀN	<i>Résultats d'exploration des sites de la Préhistoire - Proto - histoire dans les provinces de Sơn La, Điện Biên et Lai Châu</i>
<i>Sahyinh-Kalanay and Pre-Sahyinh Interaction through the East Sea</i>	45 HSIAO-CHUN HUNG	<i>Interaction entre le Sahyinh - Kalanay et le Pré - Sahyinh à travers la Mer Orientale</i>
<i>Lý - Trần glazed Ceramics in the Area of Thăng Long Citadel Kept in the Vietnam National Museum of History and Hà Nội Museum</i>	59 NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	<i>Céramiques émaillées de la dynastie des Lý - Trần découvertes à la Citadelle Impériale de Thăng Long sont conservées au Vietnam National Musée d'Histoire et au Musée de Hà Nội</i>
<i>The Tower of Sùng Thiện Diên Linh in the Lý Dynasty: the Data for Reconstruction</i>	74 NGUYỄN VĂN ĐOÀN	<i>La tour de Sùng Thiện Diên Linh à l'époque des Lý - Les données pour sa reconstruction</i>
<i>Ứng Thành (Đoài Môn) Relic and Its Role to the Study of Thăng Long - Hà Nội</i>	82 NGUYỄN VĂN ĐOÀN NGUYỄN NGỌC CHẤT	<i>Le vestige d'Ứng Thành (Đoài Môn) et sa valeur dans l'étude de la Citadelle de Thăng Long, Hà Nội</i>
<i>Cụ Hồ Banknotes Issued by Chi Nê (Hòa Bình) - The First Currency Printing Shop of the Democratic Republic of Vietnam</i>	90 NGUYỄN THỊ HUYỀN	<i>Le papier - monnaie de l'Oncle Hồ est imprimé à Chi Nê (Hòa Bình) - la première usine d'impression des espèces de la République démocratique du Vietnam</i>
<i>Collection of Pre-1945 Revolutionary Journals Kept in the Vietnam National Museum of History</i>	94 NGUYỄN THỊ TƯỜNG KHANH	<i>Collection de journaux révolutionnaires du Vietnam avant en 1945 conservée au Vietnam National Musée d'Histoire</i>

<i>The Compass of Japanese Fascist Army Seized in 1945 by Ba Tơ Guerilla Unit of Quảng Ngãi Province</i>	100 HOÀNG THỊ HỘI	<i>L'armée des fascistes japonais en 1945 est obtenu par l'organisation de guérilla de Ba Tơ de la province de Quảng Ngãi</i>
<i>Studying and Bringing into Play the Values of the Objects Relating to the Thái Nguyên Safety Zone in the Vietnam National Museum of History</i>	103 PHAN TUẤN DŨNG	<i>Étude et intensification de la valeur des objets de An Toàn Khu (ATK) dans la province de Thái Nguyên (1947- 1954), au Vietnam National Musée d'Histoire</i>
<i>The Information on the Objects of the 11th National Congress Delegates Newly Received by the Vietnam National Museum of History</i>	107 NGUYỄN TRỌNG LƯỢNG	<i>Présentation du groupe des objets concernant au 6^e Congrès National des Délégués dont le Vietnam National Musée d'Histoire a récemment recueilli</i>
<i>Tào Masters and Picture-Hanging Custom of the Yao People</i>	110 HOÀNG HOA THÁM	<i>Maître de Tao et la coutume sur les tableaux suspendus pour la culte de l'ethnie de Dao</i>
<i>Discussion on the Exhibition of the National Heroes in the Vietnam National Museum of History</i>	115 TRẦN THU HÀ	<i>Discussion sur le problème de l'exposition des Hommes célèbres au Vietnam National Musée d'Histoire</i>

Ảnh bìa 1. Mặt trước Bảo tàng Lịch sử Quốc gia (số 1. Trùng Tiễn, Hoàn Kiếm, Hà Nội).

Ảnh bìa 4. Tượng gốm hình “nữ quý tộc” thế kỷ 15 - 16 (tàu cổ Cù Lao Chàm).